

KẾT LUẬN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh
giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030

Với các nguồn nguyên liệu như laterit, puzolan, đá vôi, đá xây dựng, cát tự nhiên, cao lanh, đất san lấp, sét gạch ngói... , Bình Phước có một số tiềm năng để phát triển sản phẩm vật liệu xây dựng (VLXD). Trong những năm qua, ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD) của tỉnh đã có sự phát triển đáng kể, sản xuất được một số loại sản phẩm như xi măng, vật liệu xây không nung, gạch đất sét nung, tấm lợp kim loại, đá xây dựng, cát xây dựng, bê tông v.v. Tuy nhiên, hiện nay quy mô sản xuất VLXD trên địa bàn tỉnh vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng hiện có và cũng như chưa đáp ứng được nhu cầu về VLXD của tỉnh; việc khai thác khoáng sản đang làm ô nhiễm môi trường và khó khắc phục, vẫn còn tình trạng một số cơ sở sản xuất VLXD trong đô thị và các khu dân cư gây ô nhiễm môi trường.

Triển khai Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn Quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất kết luận về phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

1. Quan điểm

Tập trung phát triển ngành công nghiệp VLXD hiệu quả, bền vững dựa trên thế mạnh của tỉnh. Đa dạng hóa hình thức đầu tư để thu hút mọi nguồn lực (vốn, chất xám, công nghệ...), phát huy, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển ngành công nghiệp VLXD.

Khai thác các mỏ khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất VLXD theo quy hoạch; hạn chế tối đa ảnh hưởng môi trường trong khai thác, chế biến và sản xuất VLXD; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển các sản phẩm VLXD có thế mạnh của tỉnh, có hiệu quả kinh tế cao; sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng

sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường nội tỉnh, trong khu vực, góp phần vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Phát triển các sản phẩm VLXD có thế mạnh của tỉnh, cụ thể:

Xi măng: Tiếp tục duy trì cải tiến công nghệ các nhà máy sản xuất xi măng hiện hữu, xây dựng các nhà máy xi măng mới phù hợp với kế hoạch của Chính phủ.

Gạch đất sét nung: Tỷ lệ gạch đất sét nung đến năm 2030 chiếm dưới 60% trong tổng sản lượng vật liệu xây.

Vật liệu xây không nung: Phát triển vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung, đến năm 2030 chiếm trên 40% trong tổng sản lượng vật liệu xây.

Vật liệu lọc: Phát triển các loại ngói nung, ngói không nung, đa dạng các tấm lọc; đến năm 2030 đáp ứng 60% nhu cầu tổng sản lượng vật liệu tấm lọc của tỉnh.

Cát xây dựng: Khai thác cát đảm bảo môi trường, đảm bảo tính bền vững, đúng công suất thiết kế. Phát triển cát nghiền thay thế dần cát tự nhiên đến năm 2030 chiếm trên 40% trong tổng sản lượng cát.

Đá xây dựng: Khai thác đá đúng quy hoạch khoáng sản, đảm bảo nhu cầu đá xây dựng trong tỉnh, đảm bảo môi trường, hoàn thổ theo quy định.

Bê tông: Tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển các trạm trộn bê tông thương phẩm để thay thế cho chế tạo bê tông thủ công, phát triển các loại bê tông cường độ cao, bê tông nhẹ đáp ứng xây dựng các công trình trong tỉnh, đến năm 2030 giảm tỷ lệ bê tông trộn thủ công xuống dưới 30% tổng sản lượng bê tông.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Về định hướng phân bố sản xuất VLXD

Từng bước đầu tư phát triển cơ sở sản xuất VLXD mới trong các khu, cụm công nghiệp tập trung. Di dời các cơ sở sản xuất VLXD gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực đô thị, khu đông dân cư để đưa vào các khu, cụm công nghiệp tập trung hoặc ra ngoài khu vực thành thị (ngoại trừ các cơ sở sản xuất, khai thác mỏ khoáng sản làm VLXD, các cơ sở gia công đơn giản, liên kết hoặc lắp ghép vật liệu, không gây ô nhiễm môi trường theo quy định).

3.2. Về khai thác tài nguyên khoáng sản

Thực hiện quy hoạch các vùng sản xuất VLXD để phục vụ cho việc triển khai thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh. Tăng cường quản lý về khai thác tài nguyên, khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật. Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm có liên quan đến khai thác tài nguyên khoáng sản, đặc biệt trong việc cấp phép, đấu giá quyền khai thác, việc khai thác trái phép...

Tăng cường công tác điều tra cơ bản địa chất khoáng sản làm VLXD; tổ chức khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản theo hướng bảo vệ khoáng sản để nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, hoàn nguyên mỏ theo quy định. Nghiêm cấm sử dụng đất canh tác nông nghiệp để sản xuất gạch nung; bảo vệ môi trường, khai thác đất sét sản xuất gạch một cách hiệu quả.

3.3. Về môi trường

Xây dựng hệ thống xử lý chất thải, hệ thống quan trắc tự động nước thải, khí thải, bụi xung quanh các cơ sở sản xuất VLXD, kết nối trực tuyến với cơ quan quản lý môi trường tại địa phương để giám sát công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết trong đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và an toàn lao động của các cơ sở khai thác nguyên liệu và các cơ sở sản xuất VLXD. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi không thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

Các cơ sở khai thác, sản xuất phải đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ sản xuất sạch, giảm tiêu hao nhiên liệu, năng lượng, tiếng ồn, phát thải bụi, phát thải khí nhà kính trong sản xuất; tận dụng tối đa hiệu quả sử dụng nhiệt khí thải (sấy, phát điện,...) nhằm tăng cường hiệu quả đốt cháy nhiên liệu.

3.4. Về khoa học công nghệ

Khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển sản phẩm mới, sử dụng phế thải làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế, giảm tiêu hao năng lượng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu phát triển sản xuất các loại VLXD bằng công nghệ hiện đại, phù hợp với xu hướng mới, từ đó làm tăng năng suất thi công, giảm giá thành công trình.

3.5. Về cơ chế, chính sách

Hoàn thiện chính sách ưu đãi, khuyến khích hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đầu tư, nghiên cứu trong lĩnh vực sản xuất VLXD. Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư mới, đầu tư nâng cấp, chuyển đổi công nghệ sản xuất VLXD sử dụng ít năng lượng, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu tái chế từ phế thải công nghiệp, nông nghiệp, rác thải sinh hoạt, giảm lượng phát thải để bảo vệ môi trường. Hạn chế, tiến tới dừng các hoạt động sản xuất VLXD sử dụng không hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường.

3.6. Về thu hút đầu tư

Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch; công khai quy hoạch của tỉnh về thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản phục vụ sản xuất VLXD để thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất VLXD. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thu hút các

nhà đầu tư có công nghệ sản xuất tiên tiến, có thị trường tiêu thụ và có nguồn vốn đầu tư đảm bảo để thực hiện dự án.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Các cấp ủy đảng căn cứ Kết luận chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền nội dung Kết luận đến các chi bộ, đảng bộ trực thuộc và triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của ngành, địa phương, đơn vị.

4.2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030, trên cơ sở nội dung của Kết luận.

4.3. Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo việc cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm, định hướng của Kết luận này vào các nghị quyết liên quan của HĐND tỉnh; tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung của Kết luận.

4.4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Kết luận; tăng cường tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của hội viên, đoàn viên và nhân dân đối với các chủ trương phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

4.5. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc chấp hành Kết luận; kịp thời tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh, hoặc khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

4.6. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, hướng dẫn việc tuyên truyền và quán triệt thực hiện Kết luận.

4.7. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Chủ nhiệm thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kết luận; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các ban cán sự, đảng đoàn, đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, BTV Tỉnh đoàn,
- Các Ban xây dựng đảng Tỉnh ủy,
- Các đ/c UV BCH Đảng bộ tỉnh,
- BCN thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp,
- VPTU: LĐVP, Phòng TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Mạnh Cường